

Đơn vị báo cáo: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG RAU QUẢ
Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Văn Quỳ, P. Phú Thuận,
Quận 7, Tp. HCM

Mẫu số B 09a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG RAU QUẢ được chuyển đổi từ Công ty Giao nhận Kho Vận Rau Quả (DNNN thuộc thành viên Tổng Công ty Rau Quả Việt Nam) theo Quyết định số 20/02/2001 của Thủ Tướng Chính Phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000427 ngày 25/05/2001, và các giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh lần 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/04/2002, giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/09/2006.
Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2011 là : **82.146.920.000 đồng.**
Vốn kinh doanh của Công ty tại ngày 31/12/2011 là : **108.657.854.696 đồng.**

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Cung cấp dịch vụ về cảng, kho bãi và kinh doanh xuất nhập khẩu, tiêu thụ nội địa.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Khai thác cảng, phao neo tàu. Kinh doanh kho bãi, cho thuê văn phòng. Kinh doanh, đại lý giống rau quả, sản phẩm chế biến từ rau quả, nông hải sản; máy móc thiết bị hàng tiêu dùng. Dịch vụ: xếp dỡ, đóng gói hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý tàu biển và môi giới hàng hải. Xuất nhập khẩu trực tiếp: rau, hoa quả, cây cảnh giống rau quả; các sản phẩm rau quả; các sản phẩm rau quả, gia vị, nông, lâm, hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị phụ tùng nguyên vật liệu hóa chất, phương tiện vận tải. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế. Chế biến hàng nông-lâm-hải sản. Mua bán hàng lâm sản.

II- Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty :

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm).
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

2.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán DN, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty hoàn toàn tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.3. Hình thức kế toán áp dụng:

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là hình thức chứng từ ghi sổ.

3. Các chính sách kế toán áp dụng:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục công nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ ngắn hạn (dưới 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa sổ dư.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị nhiên vật liệu tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán

đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 30 năm
Máy móc thiết bị	06 - 15 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản vô hình và các tài sản khác	04 - 11 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính.

Chứng khoán đầu tư ngắn hạn là những chứng khoán được mua vào để bán ở thị trường chứng khoán mà có thể thu hồi vốn trong thời hạn không quá một năm. Chứng khoán đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc) bao gồm giá mua và chi phí môi giới giao dịch. Cuối niên độ, nếu giá trị thị trường của chứng khoán đầu tư ngắn hạn bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, thì lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền".
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16" Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn, Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các chủ sở hữu, và vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí cho vay hoặc đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập DN hiện hành.

Hàng quý ghi nhận số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp vào chi phí thuế thu nhập hiện hành. Cuối năm tài chính, sẽ ghi nhận thêm số chênh lệch tăng hoặc giảm số thuế TNDN phải nộp căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

1. TIỀN	12/31/2011	1/1/2011
Tiền mặt	68,635,423	102,788,980
Tiền gửi ngân hàng	5,429,541,986	3,372,621,465
- Tiền gửi VNĐ	2,707,434,172	2,333,973,480
+ Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN Tp HCM	359,554,442	843,255,813
+ Ngân hàng NN&PTNT - PGD Phó Đức Chính	218,089,343	606,762,116
+ Ngân hàng Ngoại Thương VN-CN Tp.HCM	2,108,989,667	782,918,724
+ Ngân hàng cổ phần Sài Gòn Thương Tín - CN Quận 4	2,944,622	95,315,386
+ Ngân hàng Phương Nam - PGD Bình Triệu	2,754,282	
+ Ngân hàng XNK Việt Nam - CN Quận 4	199,738	
+ Ngân hàng Đông Nam Á - CN Bình Dương	14,902,078	5,721,441
- Tiền gửi TK chứng khoán	367,684,606	8,800,181
- Tiền gửi ngoại tệ	2,354,423,208	1,029,847,804
+ Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN TP HCM (USD)	4,166,433	5,326,140
+ Ngân hàng NN&PTNT - PGD Phó Đức Chính (USD)	110,504,828	115,342,831
+ Ngân hàng Ngoại Thương VN-CN Tp.HCM (USD)	2,102,427,058	769,970,119
+ Ngân hàng NN&PTNT - PGD Phó Đức Chính (EUR)	5,140,291	5,571,242
+ Ngân hàng Ngoại Thương VN-CN Tp.HCM (EUR)	132,184,598	133,637,472
Cộng:	5,498,177,409	3,475,410,445

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	12/31/2011	1/1/2011
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	2,025,964,964	3,101,421,704
Cổ phiếu của Công ty CP Giống Cây trồng Trung ương		50,000
Cổ phiếu của Công ty CP Phát triển Nhà Thủ Đức	7,000	320,640,000
Cổ phiếu của Công ty CP Ống thép Việt Đức	67,700	84,000
Cổ phiếu của Công ty CP Xây dựng Điện VNECO	52,500	
Cổ phiếu của Tổng Công ty CP Xây dựng Điện VN	22,000	234,720,504
- Tiền gửi có kỳ hạn	82,900,000,000	95,469,000,000
* Ngân hàng NN&PTNT VN - CN Phó Đức Chính	39,200,000,000	45,500,000,000
* Ngân hàng Công Thương VN - CN Tp. HCM	8,700,000,000	2,000,000,000
* Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín		8,400,000,000
* Ngân hàng TMCP Đông Nam Á		16,000,000,000

* Ngân hàng Ngoại Thương - CN Tp.HCM	13,000,000,000	23,569,000,000
* Ngân hàng Xuất nhập khẩu VN - CN Quận 4	22,000,000,000	
* Ngân hàng TMCP Phương Nam		
- Đầu tư ngắn hạn khác (Cho vay)	43,536,619,962	24,079,818,000
* Công ty CP Thực phẩm VN (VINAFOOD)		784,818,000
* Công ty Đông Đô - Bộ Quốc phòng	20,000,000,000	20,000,000,000
* Công ty Vận tải GN Hải Long	1,000,000,000	2,000,000,000
* Công ty TNHH SX TM Lâm Phương	14,523,619,962	
* Nguyễn Đỗ Thanh Phương		1,000,000,000
* Công ty Gạch men Hoàng Gia	8,000,000,000	
* CBCNV khác	13,000,000	295,000,000
Cộng:	128,462,584,926	122,650,239,704

3. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CK ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	12/31/2011	1/1/2011
* Cổ phiếu của Công ty CP Phát triển Nhà Thủ Đức	(240,840,000)	(78,500,000)
* Cổ phiếu của Công ty CP Ống thép Việt Đức	(597,308,360)	(322,000,000)
* Cổ phiếu của Công ty CP Xây dựng Điện VNECO	(205,016,100)	
* Cổ phiếu của Tổng Công ty CP Xây dựng Điện VN	(168,720,504)	
Cộng:	(1,211,884,964)	(400,500,000)

4. PHẢI THU KHÁCH HÀNG	12/31/2011	1/1/2011
* Công ty CP Thực phẩm Việt Nam	1,799,815,000	1,799,815,000
* Công ty TNHH SX TM Lâm Phương	5,811,159,548	10,212,504,661
* Công ty CP Vật tư Nông sản		161,547,448
* Công ty CP Phân bón Miền Nam		91,164,289
* Công ty CP Phân phối Tấn Khoa		112,970,000
* Công ty CP ĐT & TM DIC	353,774,115	805,775,480
* Công ty TNHH TM Vạn Phúc	174,572,265	2,881,482,554
* Công ty CP Phân bón Bình Điền		91,184,017
* Công ty TNHH Lâm sản - VT Tuấn Cường	225,095,929	
* Công ty TNHH Lâm sản - VT Minh Tuấn	27,628,360,641	
* Công ty CP Bảo Sơn xanh	33,528,445	
* Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia	2,981,680,697	1,265,734,125
* Công ty LD Bông Sen		110,254,043

* Công ty TNHH TM DV Thái Thịnh	61,634,394	191,085,845
* Công ty CP VTB Quốc tế Bình Bình		203,413,549
* Công ty TNHH An Hạ Long An	7,374,289,274	5,315,043,024
* Vosa Sài Gòn	804,741,004	65,238,915
* Khác	461,540,612	651,090,065
Cộng :	47,710,191,924	23,958,303,015

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

* Công ty CP Đầu tư và Phát triển DV Dầu khí		800,901,000
* Công ty TNHH MTV Giấy Hòa Bình		577,500,000
* Công ty Cổ Phần ACC - 244	4,550,000,000	
* Công ty CP Giấy An Bình	91,575,840	
* Foshan Eminent Industry Development		12,026,545,000
* Công ty TNHH Công nghệ Tri Thức		63,000,000
* Trung tâm Kiểm định Xây dựng Lào Cai	189,665,000	34,000,000
* Foshan Textiles Import & Export Co.	88,873,675	89,735,000
* Alohas Biotechnology Co. Ltd.		236,892,330
* Harvest Co.	33,744,578,912	17,997,323,200
* Valency International Trading Pte. Ltd.	223,074,128	
* NPT Steel. LLC	441,039,148	1,536,492,722
* Triple-S Steel Supply	237,048,050	215,469,257
Cộng :	39,565,854,753	33,577,858,509

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	12/31/2011	1/1/2011
- Lãi phải thu tiền gửi có kỳ hạn thuộc kỳ báo cáo	1,186,732,500	1,641,052,067
- Ứng trả tiền cho Cty XNK Nông Lâm sản và Vật tư NN		1,360,173,690
- Cổ tức phải thu Công ty CP Phát triển nhà Thủ Đức		7,000,000
- Thuế Thu nhập cá nhân - CBCNV	513,823,571	83,503,453
- Các khoản khác	49,153,969	117,114,113
Cộng:	1,749,710,040	3,208,843,323

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	12/31/2011	1/1/2011
- Công ty XNK Nông lâm sản và Vật tư NN		1,360,173,690
Cộng:	-	1,360,173,690

8. HÀNG TỒN KHO

- Nguyên, vật liệu tồn kho
- Hàng hóa tồn kho : Gỗ tròn cấm xe

Cộng:**12/31/2011**

4,864,214

4,864,214**1/1/2011**

9,831,674

9,831,674**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

- Tạm ứng
- Thuế GTGT còn được khấu trừ
- Ký quỹ & ký cược

Cộng:**12/31/2011**

7,523,915,370

1,285,345,920

8,809,261,290**1/1/2011**

8,305,958,720

1,964,953,477

10,270,912,197